

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2022
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung, nợ chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Việt Linh

Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, nợ chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐST - HNGĐ ngày 04/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988

Trú tại: Xóm Tăng Bạc H, xã Sơn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1984

Trú tại: Tổ dân phố 4, phường Nguyễn Ngh, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Chính sách xã hội; địa chỉ: 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th; Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc H; Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Đức Phổ; địa chỉ: số 03 đường Đỗ Quang Thắng, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn S kết hôn trên tự nguyện, đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phổ (nay là phường Nguyễn Nghiêm), thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2009, vợ chồng sống hạnh phúc một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S không chăm lo hạnh phúc gia đình, thường xuyên uống rượu bia, bạo lực gia đình, đánh bà nhiều lần và đuổi mẹ con ra khỏi nhà, cả 6 mẹ con về nhà cha mẹ ruột tại xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An sinh sống từ tháng 7/2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: vợ chồng có 05 con chung tên: Nguyễn Thị U, sinh ngày 29/8/2007; Nguyễn Văn Việt S, sinh ngày 28/9/2009; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/3/2011; Nguyễn Văn Thành T, sinh ngày 02/4/2019; Nguyễn Thị Thành Q, sinh ngày 17/6/2021.

Cả 5 con chung hiện nay đang sinh sống cùng bà Th tại xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, bà Th yêu cầu nhận nuôi dưỡng, chăm, sóc giáo dục hết 05 con vì ông S thường xuyên bạo lực gia đình, bà không yêu cầu ông Scáp dưỡng cho con.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Sám trình bày;

Giữa ông và bà Nguyễn Thị Th tự nguyện kết hôn vào năm 2009 tại UBND thị trấn Đức Phổ (nay là UBND phường Nguyễn Nghiêm), thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do áp lực về kinh tế gia đình, đời sống khó khăn, nên vợ chồng đã thường xuyên cãi vã và có xô xát nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên từ cuối năm 2021 vợ chồng sống ly thân, bà Th dẫn các con về quê tại xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An ở mãi đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Th yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông S và bà Th có 05 người con chung là Nguyễn Thị U sinh ngày 29/08/2007; Nguyễn Văn Việt S, sinh ngày 28/9/2009; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/3/2011; Nguyễn Văn Thành T, sinh ngày 02/4/2019 và Nguyễn Thị Thành Q, sinh ngày 17/6/2021. Hiện nay cả 05 con chung đang sinh sống cùng bà Th tại xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Khi ly hôn, ông S yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con là Nguyễn Thị U và Nguyễn Văn Thành T và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội phòng giao dịch Đức Phổ theo chương trình vay hộ cận nghèo số tiền 40.000.000 đồng. Vợ chồng ly hôn thì ông S tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng vay, ông không yêu cầu bà Th trả khoản nợ này cho Ngân hàng.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi phòng giao dịch Đức Phổ trình bày;

Ngày 19/02/2020 Ngân hàng Chính sách xã hội, phòng giao dịch Đức Phổ có cho hộ ông Nguyễn Văn S vay tiền theo chương trình vay hộ cận nghèo, số tiền cho vay là 40.000.000 đồng; mục đích vay chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn

vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, lãi suất 7,92%/năm; lãi quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay trong hạn; thời hạn cuối phải trả là ngày 19/02/2025. Tuy nhiên, vợ chồng ông S, bà Th ly hôn nên phải trả nợ trước hạn. Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/7/2022 và văn bản trình bày ý kiến ngày 20/9/2022, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả nợ gốc là 40.000.000 đồng; lãi trong hạn tính đến hết ngày 20/9/2022 là 3.365.894 đồng và lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 21/9/2022 đến khi xong nợ, không yêu cầu bà Th có nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th được ly hôn ông Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Giao 05 con cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông S không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng chính sách xã hội và ông Nguyễn Văn S về việc trả nợ vay; ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nợ gốc 40.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn tính đến hết ngày 20/9/2022 là 3.365.894 đồng và trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 21/9/2022 đến khi xong nợ.

- Về án phí: Bà Th là hộ cận nghèo nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn Nguyễn Văn S thường trú tại phường Nguyễn Ng, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th; bị đơn ông Nguyễn Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Quảng Ngãi – Phòng giao dịch Đức Phổ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn S kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phổ (nay là phường Nguyễn Nghiêm), thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, ông S có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần đánh vợ con, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ nhau trong cuộc sống mà không sống chung với nhau từ tháng 7/2021 đến nay, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th được ly hôn ông Nguyễn Văn S.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung tên: Nguyễn Thị U, sinh ngày 29/08/2007; Nguyễn Văn Việt S, sinh ngày 28/9/2009; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/3/2011; Nguyễn Văn Thành T, sinh ngày 02/4/2019; Nguyễn Thị Thành Q, sinh ngày 17/6/2021. Cả 5 con hiện nay đang sinh sống cùng bà Th tại xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và Tòa án xác minh thu thập tại chính quyền địa phương thì thấy ông S nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập vợ và các con, đuổi mẹ con ra khỏi nhà, từ đó bà Th dẫn các con về quê xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An sinh sống từ tháng 7/2021 đến nay. Từ ngày bà Th dẫn các con về quê sinh sống, ông S không thăm nom, không có nghĩa vụ đối với các con. Mặt khác, các con Nguyễn Thị U, Nguyễn Văn Việt S, Nguyễn Thị Thanh T (trên 7 tuổi) có nguyện vọng được ở với bà Th. Do đó, có căn cứ Hội đồng xét xử giao cả 5 con cho bà Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà Th không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu ông S có nghĩa vụ trả nợ vay gốc 40.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn tính đến hết ngày 20/9/2022 là 3.365.894 đồng và trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 21/9/2022 đến khi xong nợ. Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/7/2022 và văn bản trình bày ý kiến ngày 20/9/2022, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả nợ mà không

yêu cầu bà Th có nghĩa vụ trả. Bị đơn ông Nguyễn Văn S đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên. Buộc ông S có nghĩa vụ trả nợ gốc 40.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn tính đến hết ngày 20/9/2022 là 3.365.894 đồng và trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 21/9/2022 đến khi xong nợ.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng, nhưng bà Th thuộc hộ cận nghèo của phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ năm 2022 nên được miễn án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0002230, ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S phải chịu (43.366.000 x 2,5%) 1.084.150 đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Giao 05 con tên Nguyễn Thị U, sinh ngày 29/8/2007; Nguyễn Văn Việt S, sinh ngày 28/9/2009; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27/3/2011; Nguyễn Văn Thành T, sinh ngày 02/4/2019; Nguyễn Thị Thành Q, sinh ngày 17/6/2021 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Nguyễn Văn S không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc 40.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn tính đến hết ngày 20/9/2022 là 3.365.894 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 21/9/2022 đến khi xong nợ.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Th tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002230, ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ. Ông Nguyễn Văn S phải chịu 1.084.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TX Đức Phổ;
- Chi cục THADS TX Đức Phổ;
- UBND phường Nguyễn Nghiêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Hậu

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – THỦ TỌA PHIÊN

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – THỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- UBND thị trấn Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bình

Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Văn Duẩn

TÒA ÁN NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH QUẢNG NGÃI

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Hồi 11 giờ ngày 05/05/2017, tại phòng nghị án tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn

Ông Hoàng Minh Tân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 239/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2016 về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Côi

Bị đơn: bà Lê Thị Hồng Yến

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

* Về điều luật áp dụng:

Áp dụng các Điều 427, 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Biểu quyết: 3/3 ý kiến.

* Về nội dung:

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Côi. Buộc bà Lê Thị Hồng Yến phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị Côi 02 cây (20 chỉ) vàng nhẫn bốn số 9999, tiền gốc 544.000.000 đồng, tiền lãi là 40.800.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 584.800.000 đồng (Năm trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng).

Biểu quyết: 3/3 ý kiến.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Dũng Hoàng Minh Tân

Nguyễn Văn Duẩn

Nơi nhận:

THÂM

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Các đương sự;
- Cục THADS thành phố;
- Lưu hồ sơ, án văn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn